

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/7/2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng.

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 18/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn ”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐ-ST ngày 24/6/2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh ngày 17/3/1988.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: A – n – m - M 1-24-1 p506 (Nhật Bản). Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Bà Đỗ Thị T, SN 1969.

Địa chỉ : Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn : Luật sư Nguyễn Thanh H – Công ty TNHH N - Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn B**, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hiện đang sinh sống tại: Nhật Bản

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Văn Ph**, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu C, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh B được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã A, huyện K (nay là phường A, thị xã K), tỉnh Hải Dương ngày 16/5/2008. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cách sống vợ chồng khác biệt, vợ

chồng ít có thời gian chung sống cùng nhau, dẫn đến hai bên không tìm thấy tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung : Chị và anh B có một con chung là Lê Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 22/12/2008, hiện đang sống cùng với ông bà nội tại K. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con, nếu anh B có nguyện vọng được nuôi con chị cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo đơn ly hôn chị L trình bày hiện tại anh Lê Văn B đang sinh sống tại C, A, K, Hải Dương. Tòa án đã triệu tập anh B đến làm việc, tuy nhiên anh B không có mặt. Qua xác minh tại địa phương và gia đình thể hiện anh Bắc đang lao động tại Nhật Bản, không có mặt tại địa phương.

Tòa án lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Ph (là bố đẻ anh B), đề nghị gia đình cung cấp địa chỉ của anh B ở nước ngoài nhưng ông Ph không biết địa chỉ nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên anh B thường xuyên liên lạc về gia đình qua điện thoại. Ông xác định vợ chồng anh B, chị L sống không hạnh phúc, vợ chồng ít có thời gian chung sống cùng nhau vì cả hai đều đi nước ngoài. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh B biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông Ph xác định đã thông tin cho anh B biết. Anh B có quan điểm đồng ý ly hôn với chị L. Về con chung ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Nguyễn Kim Ng, trong thời gian vắng mặt tại Việt Nam anh ủy quyền cho ông chăm sóc. Về tài sản chung, nợ chung không đề nghị giải quyết và đề nghị được giải quyết vắng mặt. Ông Ph đồng ý nhận ủy quyền của anh B, thay anh B chăm sóc cháu Lê Nguyễn Kim Ng trong thời gian anh Bắc không có mặt tại địa phương.

Do chị L đang lao động, học tập tại Nhật Bản nên ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị T giao nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án. Bà T đồng ý nhận ủy quyền của chị L, sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án bà đã thông báo cho chị L biết, quan điểm của chị L vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn với anh B. Về con chung, đồng ý để anh B nuôi cháu Ng. Về tài sản chung, nợ chung không có, không đề nghị giải quyết.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Anh B, chị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (nay là phường A), anh chị hiện đang làm việc, sinh sống tại Nhật Bản, nhưng hai vợ chồng không sống cùng nhau. Nay chị L có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung là Lê Nguyễn Kim Ng có quan điểm đề nghị được ở với bố là anh Lê Văn B, do anh B không có ở Việt Nam nên cháu Ng đề nghị được ở với ông bà nội là ông Lê Văn Ph.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu và thời gian chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn, đến hết thời hạn xét xử mới giải quyết vụ án. Do vậy Viện kiểm sát không phát biểu về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị L và anh B đều có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại Thôn C, phường A, thị xã K, hiện cả hai đương sự đều ở nước ngoài nên TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh B có quan điểm ủy quyền cho ông Lê Văn Ph (là bố đẻ) thay anh B nuôi dưỡng con chung là Lê Nguyễn Kim Ng nên TAND tỉnh Hải Dương bổ sung ông Ph tham gia tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do chị L không cung cấp được địa chỉ của anh Bắc tại Nhật Bản. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh B cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được, đồng thời Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng cho đến khi mở phiên tòa anh B không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện K (nay là phường A, thị xã K), tỉnh Hải Dương ngày 16/5/2008, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 4 năm. Do kinh tế khó khăn nên anh B, chị L đều đi nước ngoài, vợ chồng không chung sống cùng nhau một thời gian dài, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung, không có sự tin tưởng lẫn nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn. Anh B ở nước ngoài nhưng thông qua gia đình cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có quan điểm đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị L ly hôn anh B là phù hợp với các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn B có 01 con chung là Lê Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 22/12/2008, từ nhỏ cháu đã ở cùng ông bà nội. Cháu Ng có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn được ở với bố và ông bà nội. Ông Ph bố đẻ anh B có quan điểm đồng ý chăm sóc cháu Ng thay anh B trong thời gian anh B không ở Việt Nam. Xét thực tế, từ nhỏ cháu Ng sống cùng ông bà nội, được chăm sóc và học tập đầy đủ, hiện tại chị L, anh B không có mặt tại Việt Nam. Nên để đảm bảo sự phát triển và sinh sống ổn định của con chung là người chưa thành niên, HĐXX cần giao cháu Ng cho anh B nuôi dưỡng, trong thời gian anh B không ở Việt Nam tạm giao cháu Ng cho ông Lê Văn Ph nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng cho con. Như vậy là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này chị L về Việt Nam có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc thay đổi quyền nuôi con theo quy định.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Lê Văn B.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho anh Lê Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lê Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 22/12/2008. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu chị Luyến phải cấp dưỡng cho con.

Tạm giao cháu Lê Nguyễn Kim Ng cho ông Lê Văn Ph chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Lê Văn B ở nước ngoài.

Không ai được cản trở chị Nguyễn Thị L thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình), được đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp (do bà Đỗ Thị T nộp thay), theo biên lai thu số AA/2018/0000774 ngày 14 tháng 01 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L, anh Lê Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường A, Thị xã K;
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng, Tòa GD và NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân